

# THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Giá tôm tại Ê-cu-a-đo trong tuần cuối tháng 02/2020 tăng từ 6 - 10% do xuất khẩu sang Trung Quốc khôi phục trở lại.*
- ▶ *Bộ Thủy sản Thái Lan ban hành lệnh cấm khai thác thủy sản tại một số khu vực của Vịnh Thái Lan từ ngày 15/02/2020.*
- ▶ *Ngày 27/02/2020, giá cá tra nguyên liệu tại An Giang ổn định so với tuần trước đó, nhưng vẫn giảm 500 - 700 đ/kg so với trước khi dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc; Giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng nhẹ so với tuần trước đó.*
- ▶ *Năm 2019, nhiều mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh chiếm thị phần khá cao.*

## THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

- Ê-cu-a-đo: Giá tôm tại Ê-cu-a-đo trong tuần cuối tháng 02/2020 tăng từ 6 - 10% do xuất khẩu sang Trung Quốc khôi phục trở lại và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Theo đó, giá tôm cỡ 70/80 con/kg tăng từ 4,5 USD/kg, lên 4,8 USD/kg; giá tôm cỡ 60/70 con/kg tăng từ 4,6 USD/kg, lên 5 USD/kg; giá tôm cỡ 50/60 tăng từ 4,8 USD/kg, lên 5,1 USD/kg. Giá các loại tôm cỡ lớn hơn cũng tăng nhẹ. Giá trung bình cho tôm cỡ 20/30 là 7,2 USD/kg, tôm cỡ 30/40 tăng từ 5,2 USD/kg, lên 5,7 USD/kg và tôm cỡ 40/50 tăng từ 4,9 USD/kg, lên 5,2 USD/kg.

Tuy nhiên, thị trường tôm phải mất một thời gian nữa mới có thể trở lại tình trạng bình thường. Hiện nay tồn kho tôm tại Ê-cu-a-đo

vẫn ở mức cao.

- Hoa Kỳ: Theo Viện Thủy sản Quốc gia Hoa Kỳ (NFI), trong danh sách 10 mặt hàng thủy sản được tiêu dùng mạnh nhất tại Hoa Kỳ, tôm tiếp tục là loại thủy sản được người Hoa Kỳ ưa thích nhất. Danh sách này được tổng hợp từ báo cáo “Fisheries of the United States” năm 2018 của Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA).



Theo NOAA, năm 2018 mức tiêu dùng thủy sản trên đầu người của người Hoa Kỳ là 7,3 kg/người/năm, mức cao nhất kể từ năm 2007, tăng nhẹ so với mức 7,26 kg/người/năm trong năm 2017. Trong đó, tiêu thụ tôm ở mức 2,0865 kg/người/năm, cá hồi 1,157 kg/người/năm, cá ngừ 0,95kg kg/người/năm, cá rô phi 0,5 kg/người/năm, cá Pollock Alaska 0,35 kg/người/năm, cá tra 0,28577 kg/người/năm, cá tuyết 0,281 kg/người/năm, cá da trơn 0,254 kg/người/năm, cua 0,236 kg/người/năm.

Các số liệu thống kê cho thấy hầu hết người tiêu dùng Hoa Kỳ vẫn chưa đạt được mức tiêu thụ hải sản được đề xuất trong Hướng dẫn chế độ ăn uống của USDA cho người Hoa Kỳ. Theo NOAA, nếu người Hoa Kỳ thực hiện theo hướng dẫn, họ sẽ ăn khoảng 11,79 kg hải sản mỗi người mỗi năm.

- Thái Lan: Bộ Thủy sản Thái Lan quyết định ban hành lệnh cấm khai thác thủy sản tại một số khu vực của Vịnh Thái Lan.

Lệnh cấm thường niên này sẽ kéo dài 3 tháng tính từ 15/02/2020 và bao phủ trên phạm vi 25.400km<sup>2</sup> dọc 3 tỉnh ven biển, bao gồm Prachuap Khiri Khan, Chumphon và Surat Thani. Các lệnh cấm áp dụng cụ thể với một số trang thiết bị khai thác thủy sản để bảo tồn và bảo vệ nguồn lợi cá, đặc biệt là cá thu, trong mùa đẻ trứng, Những bên vi phạm sẽ bị phạt từ 5.000 – 30 triệu Baht, tương đương 160 – 960.000 USD, phụ thuộc vào loại trang thiết bị khai thác thủy sản mà họ

sử dụng và sản lượng khai thác trái phép họ thu được. Sau 15/02/2020, một khu vực đặc biệt, cách bờ biển hơn 11km hải trình, cũng sẽ đóng cửa khai thác trong 30 ngày để bảo vệ nguồn cá con.

Cá thu con tại Vịnh Thái Lan thường bơi lên phía bắc vịnh nên lệnh cấm cũng áp dụng cho khu vực này để cá nhỏ có thời gian sinh trưởng. Sau đó, khi lớn lên, cá thu sẽ di chuyển về khu vực phía trung của vịnh để bắt đầu mùa sinh sản vào tháng 02 năm sau đó.

- Trung Quốc: Dịch Covid-19 có tác động mạnh đến ngành thủy sản Trung Quốc, các nhà hàng thủy sản tại Trung Quốc gặp sức ép do lượng thực khách giảm mạnh, phải giảm giá để giải phóng kho dự trữ thực phẩm. Một số công ty thủy sản Trung Quốc đang quyên góp thủy sản cho các khu vực chịu thiệt hại nặng nề nhất.

Nhiều nhà chế biến thủy sản tại tỉnh Hồ Bắc gặp khó khăn do thiếu lao động. Haixin Foods Co., một nhà chế biến và phân phối thủy sản chế biến đông lạnh lớn, đã hoạt động trở lại bình thường tại nhà máy Phúc Châu, nhưng ba công ty con khác, bao gồm 1 nhà máy tại cảng khai thác thủy sản chính của Chu San ở tỉnh Chiết Giang, đang gặp khó khăn trong việc đưa công nhân trở lại làm việc. Theo Haixin Foods, nhu cầu mua hàng trực tuyến các sản phẩm viên cá và các suất ăn liền trong đợt dịch tăng mạnh.



## THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN TRONG NƯỚC

Ngày 27/02/2020, giá cá tra nguyên liệu tại An Giang ổn định so với tuần trước đó, nhưng giảm 500 - 700 đ/kg so với trước khi dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc và giảm 10.000 - 10.500 đ/kg so với cùng kỳ năm 2019; Giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng nhẹ so với tuần trước.

### Giá cá tra nguyên liệu tại An Giang ngày 27/02/2020

Mặt hàng	Trọng lượng	Dạng sản phẩm	Đơn giá (đ/kg)	So với tuần trước (đ/kg)	So với cùng kỳ năm trước (đ/kg)
Cá Tra thịt trắng	0,7-0,9kg/con	Tươi	18.000-18.500	ổn định	Giảm 10.000 - 10.500
Cá Tra thịt trắng	>1kg/con	Tươi	17.500-17.800	ổn định	Giảm 10.000 - 10.100

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

### Giá thủy sản nguyên liệu tại Cà Mau ngày 27/2/2020

Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Đơn giá tuần trước (đ/kg)	Đơn giá tuần báo cáo (đ/kg)
Tôm sú (sống)	20 con/kg	Sống sinh thái	274.000	274.000
Tôm sú (chết)	20 con/kg	Nguyên liệu	248.000	250.000
Tôm sú (sống)	30 con/kg	Sống sinh thái	235.000	235.000
Tôm sú (chết)	30 con/kg	Nguyên liệu	197.000	195.000
Tôm sú (sống)	40 con/kg	Sống sinh thái	192.000	192.000
Tôm sú (chết)	40 con/kg	Nguyên liệu	170.000	170.000
Tôm đất (sống)	Loại I	Sống	115.000	115.000
Tôm đất (chết)	Loại I	Nguyên liệu	102.000	102.000
Tôm Bạc	Loại I	Nguyên liệu	78.000	78.000
Tôm Thẻ chân trắng	70 con/kg	Mua tại ao đầm	132.000	133.000
Tôm Thẻ chân trắng	100 con/kg	Mua tại ao đầm	90.000	93.000
Mực tua (sống)		Sống	125.000	125.000
Mực ống	Loại I		130.000	130.000
Cá Chẻm	1 con/ kg		120.000	120.000

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN THÁNG 01/2020

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 01/2020 xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 121,2 nghìn tấn, trị giá 492 triệu USD, giảm 30,3% về lượng và 33,2% về trị giá so với tháng 01/2019. Nguyên nhân chính là kỳ nghỉ Tết nguyên đán kéo dài vào tháng 01/2020.

Tháng 01/2020, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam đều giảm so với tháng 01/2019. Cá tra, basa là mặt hàng

có lượng xuất khẩu cao nhất trong tháng 01/2020, đạt 49,7 nghìn tấn, trị giá 101,16 triệu USD, giảm 35,8% về lượng và giảm 52% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu tôm các loại tháng 01/2020 đạt 21,47 nghìn tấn, trị giá 187,3 triệu USD, giảm 19,2% về lượng và giảm 19,3% về trị giá so với tháng 01/2019. Xuất khẩu cá đông lạnh, chả cá, cá ngừ các loại, cá khô... đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

### Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tháng 01 năm 2020

Mặt hàng	Tháng 01 năm 2020		Tỷ trọng tháng 01/2020 (%)		So với tháng 01/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>121.207</b>	<b>491.635</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>-30,3</b>	<b>-33,2</b>
Cá tra, basa	49.728	101.161	39,40	20,61	-35,8	-52,0
Tôm các loại	21.475	187.281	17,02	38,16	-19,2	-19,3
Cá đông lạnh	16.243	61.178	16,83	12,47	-22,1	-28,7
Chả cá	10.105	20.860	8,01	4,25	-35,5	-35,5
Cá ngừ các loại	8.012	39.523	6,35	8,05	-25,6	-31,5
Cá khô	1.937	10.967	1,53	2,23	-63,7	-42,1
Mực các loại	2.703	17.871	2,14	3,64	-44,1	-44,4
Bạch tuộc các loại	2.869	17.935	2,27	3,65	-40,1	-46,2
Nghêu các loại	2.319	4.393	1,84	0,90	-15,6	-16,3
Cá đóng hộp	1.357	3.827	1,08	0,78	-2,1	-14,1
Mắm	673	1.379	0,53	0,28	-50,2	-31,6
Ghẹ các loại	351	2.981	0,28	0,61	-38,2	-61,1
Cua các loại	842	9.319	0,67	1,90	148,7	154,6
Trứng cá	249	3.764	0,20	0,77	-9,2	-20,9
Ruốc	317	794	0,25	0,16	63,2	13,8
Ốc các loại	186	511	0,15	0,10	-0,6	2,7
Sò các loại	130	1.045	0,10	0,21	-17,3	-34,8
Thủy sản làm cảnh	1.112	2.834	0,88	0,58	1.374,6	226,3
Mặt hàng khác	597	4.010	0,47	0,64	28,6	29,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc chịu tác động mạnh do dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc. Tuần cuối tháng 02/2020, xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc đã có dấu hiệu phục hồi, nhưng tốc độ vẫn còn chậm. Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 02/2020 đạt khoảng 102,4 nghìn tấn, trị giá 420 triệu USD, tăng 14,89% về lượng và 13,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 2 tháng năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 223,6 nghìn tấn, trị giá 911,6 triệu USD, giảm 15% về lượng và 18% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2019.

Dịch Covid-19 đang lan rộng ra nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam như: Hàn Quốc, Ý... sẽ có những tác động nhất định đến triển vọng xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới. Dự báo, xu hướng tiêu dùng và nhập thủy sản tại những thị trường chịu tác động của dịch Covid sẽ có những thay đổi, nhập khẩu thủy sản đông lạnh, tiện dụng, dễ chế biến tại nhà sẽ cao hơn thủy sản tươi sống, những sản phẩm thủy sản đóng hộp cũng sẽ được ưa chuộng.

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN ANH NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), năm 2019 nhập khẩu thủy sản của Anh đạt 684 nghìn tấn, trị giá 4,3 tỷ USD, tăng 6,3% về lượng và tăng 1,7% về trị giá so với năm 2018.

Năm 2019, Anh giảm nhập khẩu thủy sản từ thị trường Ai-len, Việt Nam, Đan Mạch, Hà Lan..., trong khi tăng nhập khẩu từ hầu

hết các thị trường lớn khác.

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 6 cho Anh trong năm 2019, đạt 297,7 triệu USD, giảm 0,1% so với năm 2018. Thị phần thủy sản Việt Nam tính theo trị giá trong tổng nhập khẩu của Anh giảm từ 7% trong năm 2018, xuống còn 6,8% trong năm 2019.

### 10 thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Anh năm 2019

Thị trường	Năm 2019 (Nghìn USD)	So với năm 2018 (%)	Thị phần năm 2019 (%)	Thị phần năm 2018 (%)
Ai-len	384.051	-1,5	8,8	9,2
Trung Quốc	364.056	32,1	8,3	6,5
Đảo Faroe	306.346	16,3	7,0	6,2
Đức	304.598	22,2	6,9	5,9
Thụy Điển	299.329	13,9	6,8	6,2
Việt Nam	297.672	-0,1	6,8	7,0
Đan Mạch	240.486	-12,2	5,5	6,5

Thị trường	Năm 2019 (Nghìn USD)	So với năm 2018 (%)	Thị phần năm 2019 (%)	Thị phần năm 2018 (%)
Na Uy	194.831	28,4	4,4	3,6
Hà Lan	149.344	-9,0	3,4	3,9
Ấn Độ	133.401	-6,2	3,0	3,4

Nguồn: ITC

Nhìn chung, nhiều mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh chiếm thị phần khá cao như: mặt hàng tôm, philê cá da trơn, philê cá ngừ vằn hoặc cá ngừ sọc, cá da trơn đông lạnh...

Năm 2019, Anh vẫn đẩy mạnh nhập khẩu nhiều chủng loại thủy sản từ Việt Nam như tôm đông lạnh, cá da trơn, cua, mực... trong khi giảm nhập khẩu cá ngừ.

### Thị phần các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh năm 2019

Mã HS	Tên hàng	Nhập khẩu của Anh		So với năm 2018 (%)		Nhập khẩu từ Việt Nam		So với năm 2018 (%)		Thị phần của Việt Nam theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2019	Năm 2018
030617	Tôm đông lạnh	41.883	427.597	4,4	3,2	11.379	117.052	9,3	5,0	27,2	25,9
160521	Tôm chế biến không trong hộp kín	23.153	251.074	-6,8	-9,6	5.875	66.672	-8,7	-13,9	25,4	25,9
030462	Philê cá da trơn	13.345	54.319	21,4	28,3	12.823	51.776	19,7	25,7	96,1	97,4
160529	Tôm chế biến trong hộp kín	9.646	96.705	-14,3	-20,4	2.179	23.414	-15,4	-23,1	22,6	22,9
030471	Philê cá tuyết đông lạnh	77.794	572.422	4,5	18,2	1.949	14.594	-4,6	8,3	2,5	2,7

Mã HS	Tên hàng	Nhập khẩu của Anh		So với năm 2018 (%)		Nhập khẩu từ Việt Nam		So với năm 2018 (%)		Thị phần của Việt Nam theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2019	Năm 2018
030487	Philê cá ngừ vằn đông lạnh	1.814	16.787	16,7	34,4	900	5.821	-1,4	1,3	49,6	58,8
160510	Cua chế biến hoặc bảo quản (không bao gồm hun khói)	616	10.111	7,7	-1,9	272	3.575	5,4	7,9	44,2	45,1
160554	Mực chế biến hoặc bảo quản (không bao gồm hun khói)	3.680	17.482	23,1	46,0	479	2.751	18,9	31,1	13,0	13,5
160419	Cá đã chế biến hoặc bảo quản	41.388	181.487	-7,5	-2,7	272	1.766	-34,1	-28,9	0,7	0,9
030324	Cá da trơn đông lạnh	900	1.876	5,5	6,6	617	1.314	29,4	21,3	68,6	55,9
030389	Cá đông lạnh khác	11.563	50.632	10,0	9,1	314	1.132	92,6	59,9	2,7	1,6
030615	Tôm hùm đông lạnh	1.297	5.801	10,2	19,0	484	879	-6,0	-4,5	37,3	43,8
160556	Ngao, sò chế biến	563	1.911	42,2	21,8	406	912	37,6	27,0	72,1	74,5
030614	Cua đông lạnh	1.854	18.379	38,8	36,6	85	977	136,1	55,3	4,6	2,7
030743	Mực đông lạnh	7.827	41.642	15,7	10,4	68	698	-32,0	-42,0	0,9	1,5
030323	Cá rô phi đông lạnh	2.915	5.227	48,8	48,5	201	422	9,2	16,9	6,9	9,4

Mã HS	Tên hàng	Nhập khẩu của Anh		So với năm 2018 (%)		Nhập khẩu từ Việt Nam		So với năm 2018 (%)		Thị phần của Việt Nam theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2019	Năm 2018
030472	Philê cá tuyết đông lạnh	18.688	119.475	0,3	13,5	71	500	-10,1	91,6	0,4	0,4
030489	Philê cá đông lạnh khác	4.323	39.063	15,9	1,6	54	487	-50,0	-43,8	1,2	2,9
160420	Cá đã chế biến khác	18.903	73.193	8,2	9,1	50	435	-41,9	-34,0	0,3	0,5
030484	Phi lê cá kiếm đông lạnh	76	734	-6,2	-3,4	36	392	-2,7	10,7	47,4	45,7
030499	Thịt cá đông lạnh khác	739	4.314	-30,5	-31,0	37	286	-2,6	9,2	5,0	3,6
030359	Cá cơm đông lạnh	592	2.880	-6,8	8,6	68	255	-15,0	2,4	11,5	12,6
160414	Cá ngừ vằn và cá ngừ Đại Tây Dương chế biến	102.756	506.426	-2,0	-8,3	116	197	-58,1	-72,4	0,1	0,3
030111	Cá nước ngọt sống	921	16.704	6,5	-4,1	12	284	-14,3	-1,4	1,3	1,6
030549	Cá hun khói.	7.614	20.843	48,7	53,1	11	130			0,1	0,0
030559	Cá khô không hun khói	196	1.639	-15,5	-21,4	18	110	38,5	29,4	9,2	5,6
030752	Bạch tuộc đông lạnh	695	5.720	-48,8	-41,6	15	96	36,4	68,4	2,2	0,8



Mã HS	Tên hàng	Nhập khẩu của Anh		So với năm 2018 (%)		Nhập khẩu từ Việt Nam		So với năm 2018 (%)		Thị phần của Việt Nam theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2019	Năm 2018
030329	Cá rô sông Nile và cá lóc đông lạnh,	152	714	100,0	76,7	22	89	340,0	709,1	14,5	6,6
030342	Cá nưừ vây vàng đông lạnh	381	4.154	60,8	9,6	17	88	-5,6	0,0	4,5	7,6
030695	Tôm sấy khô	109	1.532	-15,5	-23,0	7	88	-22,2	-32,3	6,4	7,0
030461	Philê cá rô phi đông lạnh	829	3.439	2,7	1,5	16	49	-33,3	-9,3	1,9	3,0
030569	Cá, muối	639	9.289	-22,3	-13,4	3	47	-66,7	-29,9	0,5	1,1
030357	Cá kiểem đông lạnh	11	88	-8,3	-4,3	5	36	-28,6	-25,0	45,5	58,3
030760	Ốc các loại	44	168	-37,1	-44,4	8	29	100,0	123,1	18,2	5,7

*Nguồn: ITC*

Theo thông báo của EU, kể từ 23h (theo giờ Anh) ngày 31/01/2020, Anh chính thức rời khỏi Liên minh châu Âu sau 47 năm làm thành viên, và bước vào “giai đoạn chuyển tiếp” đến cuối năm 2020. Trong giai đoạn này, Anh vẫn là thành viên của thị trường EU và tham gia Liên minh Hải quan EU (EUCU). Trong giai đoạn chuyển tiếp, mọi thứ vẫn giữ nguyên, nhưng Anh không có quyền tham gia chính sách và đường lối của EU. Như vậy, từ nay đến ngày 31/12/2020, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Anh sẽ không có xáo trộn lớn. Nếu EVFTA có hiệu lực trong năm 2020, xuất khẩu thủy sản

sang Anh sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này. Tuy nhiên, sau Brexit, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Anh dự kiến sẽ khó khăn hơn. Chính phủ Anh đã công bố danh sách dự thảo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu các sản phẩm, bao gồm cả các sản phẩm thủy sản. Không những thế, trong bối cảnh rào cản kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy suất nguồn gốc của Anh với hàng nhập khẩu vào nước này ngày càng cao, doanh nghiệp Việt Nam muốn đẩy mạnh xuất khẩu sang Anh, cần điều chỉnh chiến lược sản xuất để hàng hóa đáp ứng yêu cầu thị trường.